

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

PVIRe

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6 - 8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

Tầng 25, tòa nhà PVI, 168 Trần Thái Tông

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Khắc Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 22 tháng 7 năm 2014) Phó Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 7 năm 2014)
Ông Lê Hoài Nam	Chủ tịch (miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Vũ Văn Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Hà Thu	Thành viên
Ông Bùi Vạn Thành	Thành viên
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 22 tháng 7 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Văn Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Chiền	Giám đốc Khối Hỗ trợ kinh doanh
Bà Lê Thị Thúy	Giám đốc Khối Quản lý Đầu tư
Ông Nguyễn Hồng Long	Giám đốc Khối Kinh doanh

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

Tầng 25, tòa nhà PVI, 168 Trần Thái Tông

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Số: 506 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2015, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

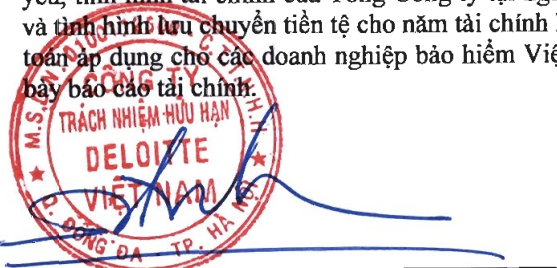
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 01 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0891-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		3.527.697.579.068	1.538.789.197.824
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	356.418.530.365	359.172.392.367
1. Tiền	111		29.038.530.365	132.172.392.367
2. Các khoản tương đương tiền	112		327.380.000.000	227.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	968.455.000.000	660.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		968.455.000.000	660.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		380.652.729.779	518.563.224.860
1. Phải thu khách hàng	131		383.504.827.418	522.558.697.657
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	8	339.712.510.574	485.063.217.991
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		43.792.316.844	37.495.479.666
2. Các khoản phải thu khác	135		114.564.806	140.313.234
3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.966.662.445)	(4.135.786.031)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		129.015.382.165	1.053.580.597
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	128.801.719.256	438.169.012
1.1. Chi hoa hồng chưa phân bổ	151.1		128.336.618.736	-
1.2. Chi phí trả trước khác	151.2		465.100.520	438.169.012
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		115.925.023	490.693.268
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	15	14.319.986	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		83.417.900	124.718.317
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	10	1.693.155.936.759	-
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		564.102.596.628	-
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		1.129.053.340.131	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		55.482.200.684	10.812.940.765
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.000.000.000	6.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		8.000.000.000	6.000.000.000
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		8.000.000.000	6.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		7.835.295.938	4.258.540.765
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.315.518.041	2.468.440.310
Nguyên giá	222		6.610.623.153	4.997.126.112
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.295.105.112)	(2.528.685.802)
2. Tài sản cố định vô hình	224	12	4.519.777.897	1.790.100.455
Nguyên giá	225		7.113.600.000	2.830.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.593.822.103)	(1.039.899.545)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.000.000.000	-
1. Các khoản đầu tư dài hạn khác	258	13	20.000.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		19.646.904.746	554.400.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		19.646.904.746	554.400.000
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.583.179.779.752	1.549.602.138.589

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		2.849.016.419.059	849.220.610.492
I. Nợ ngắn hạn	310		2.849.016.419.059	849.220.610.492
1. Phải trả cho người bán	312		571.927.370.993	570.654.266.034
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	14	550.643.872.748	541.046.061.467
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		21.283.498.245	29.608.204.567
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	10.768.870.883	10.045.961.991
3. Phải trả người lao động	315		7.723.031.177	2.607.672.166
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	107.778.027.292	2.329.257.352
4.1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		104.356.168.423	-
5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	299.000.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		777.576.330	17.785.092
7. Dự phòng nghiệp vụ	329	17	2.150.041.542.384	263.266.667.857
7.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1		759.583.518.855	116.102.053.394
7.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2		1.363.986.805.469	133.659.213.532
7.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		26.471.218.060	13.505.400.931
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		734.163.360.693	700.381.528.097
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	734.163.360.693	700.381.528.097
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		668.000.000.000	668.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		8.807.460.307	4.360.595.909
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.355.900.386	28.020.932.188
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.583.179.779.752	1.549.602.138.589

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
I. Ngoại tệ các loại:			
Đô la Mỹ	USD	1.138.855,46	6.041.021,93
Euro	EUR	43.294,36	55.651,57



Bùi Thị Hà
 Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	497.224.143.385	465.977.945.037
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	113.505.256.360	74.841.069.292
3. Thu nhập khác	13	703.709.193	-
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	438.628.243.983	417.328.199.798
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	28.925.513.090	13.677.668.979
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	24.740.071.376	30.831.042.152
7. Chi phí khác	24	53.026.202	-
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	119.086.254.287	78.982.103.400
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26.140.615.502	19.176.098.232
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	92.945.638.785	59.806.005.168
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.391	-

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)	01	19	1.542.806.278.001	1.332.315.731.410
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		1.625.326.932.806	1.333.544.128.686
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		82.520.654.805	1.228.397.276
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)	02	20	1.189.991.242.521	1.088.895.189.765
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.193.133.028.493	1.088.895.189.765
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		3.141.785.972	-
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		352.815.035.480	243.420.541.645
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	04		144.409.107.905	222.557.403.392
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		120.850.088.533	201.484.653.548
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		23.559.019.372	21.072.749.844
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		497.224.143.385	465.977.945.037
6. Chi bồi thường (11=11.1)	11		429.699.787.634	330.363.763.987
- Tổng chi bồi thường	11.1		429.699.787.634	330.363.763.987
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		315.113.011.560	279.680.273.883
8. Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		1.002.009.933.663	84.287.380.209
9. Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		900.735.681.857	-
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15	21	215.861.027.880	134.970.870.313
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		12.965.817.129	7.339.468.168
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)	17	22	209.801.398.974	275.017.861.317
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		164.570.431.943	232.080.746.377
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		45.230.967.031	42.937.114.940
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		438.628.243.983	417.328.199.798
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		58.595.899.402	48.649.745.239
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	113.505.256.360	74.841.069.292
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	28.925.513.090	13.677.668.979

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 02a-DNPNT
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		84.579.743.270	61.163.400.313
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	24.740.071.376	30.831.042.152
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)	30		118.435.571.296	78.982.103.400
20. Thu nhập khác	31		703.709.193	-
21. Chi phí khác	32		53.026.202	-
22. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		650.682.991	-
23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		119.086.254.287	78.982.103.400
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	26.140.615.502	19.176.098.232
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập của doanh nghiệp (60=50-51)	60		92.945.638.785	59.806.005.168
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.391	-



Bùi Thị Hà
Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03a-DNPNT
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu phí và hoa hồng	01	1.070.134.714.394		795.527.270.254	
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	1.138.643.453		702.264.214	
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	4.448.996.994		4.663.996.914	
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(82.768.849.660)		(94.295.889.283)	
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(599.435.161.465)		(433.148.842.146)	
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(38.652.622.352)		(21.640.782.791)	
7. Trả tiền cho cán bộ, công nhân viên	08	(85.220.300.507)		(15.082.951.090)	
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(28.825.932.010)		(12.528.589.408)	
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(1.324.501.481)		(1.904.702.486)	
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(1.545.725.113)		(3.728.779.350)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	237.949.262.253		218.562.994.828	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	1.329.360.000.000		687.034.444.500	
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	22	79.365.023.888		42.192.209.469	
3. Tiền thu do bán tài sản cố định	23	24.273.743		-	
4. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(1.593.660.000.000)		(995.000.000.000)	
5. Tiền mua tài sản cố định	25	(2.249.806.222)		(1.280.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(187.160.508.591)		(267.053.346.031)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu do chủ sở hữu góp vốn	32	-		208.000.000.000	
2. Tiền lãi đã trả cho nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(53.542.615.664)		(24.092.975.528)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(53.542.615.664)		183.907.024.472	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(2.753.862.002)		135.416.673.269	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	359.172.392.367		223.755.719.098	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	356.418.530.365		359.172.392.367	



Bùi Thị Hà
 Kế toán trưởng



Vũ Văn Thắng
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính